

Số: 1477/QĐ-UBND

Phú Quý, ngày 08 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Lát gạch xung quanh khu nhà vệ sinh học sinh mới tại Trường THCS Ngũ Phụng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU PHÚ QUÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Công văn số 842/UBND-KT ngày 07/10/2025 của UBND Đặc khu Phú Quý về việc thống nhất chủ trương lát gạch xung quanh khu nhà vệ sinh học sinh mới tại Trường THCS Ngũ Phụng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 316/TTr-KT, ngày 01/12/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Lát gạch xung quanh khu nhà vệ sinh học sinh mới tại Trường THCS Ngũ Phụng, với những nội dung sau:

**1. Tên chủ đầu tư:** Trường THCS Ngũ Phụng, Đặc khu Phú Quý.

**2. Sự cần thiết, lý do thực hiện:** Trong quá trình sử dụng, nhất là vào mùa mưa, khu vực này thường xuyên bị đọng nước, lầy lội, gây trơn trượt và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho học sinh khi di chuyển. Đồng thời, nền đất chưa được lát gạch làm

ảnh hưởng đến vệ sinh chung, dễ phát sinh bụi bẩn vào mùa khô và bùn đất vào mùa mưa, không đảm bảo yêu cầu về môi trường học đường sạch sẽ, khô ráo.

**3. Tên hạng mục công trình:** Lát gạch xung quanh khu nhà vệ sinh học sinh mới tại Trường THCS Ngũ Phụng.

**3.1. Mục tiêu, quy mô xây dựng:**

**- Mục tiêu:**

Việc sửa chữa, nâng cấp nhằm xử lý các bất cập hiện có, hoàn thiện các hạng mục còn thiếu, tạo bề mặt khô ráo, sạch sẽ, chống trơn trượt, đồng thời đảm bảo điều kiện an toàn trong quá trình học tập và sinh hoạt của học sinh.

Công trình góp phần cải thiện cảnh quan, nâng cao chất lượng môi trường học đường và đáp ứng yêu cầu về vệ sinh, an toàn theo quy định

**- Quy mô xây dựng:**

+ Xây tường chắn bao quanh kích thước (12,0x0,5)m, bổ sung đất bồi nền (23,44m<sup>3</sup>) và lát gạch Terrazzo xung quanh nhà vệ sinh mới của học sinh diện tích (78,0m<sup>2</sup>).

+ Xây dựng tường rào phía sau nhà vệ sinh học sinh để đảm bảo an toàn kích thước (26,0x1,5)m.

**- Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên Trường THCS Ngũ Phụng

**- Khối lượng công việc thực hiện:**

STT	Tên nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp II	m3	4,800
2	Xây móng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, vữa XM mác 75	m3	1,200
3	Xây tường thẳng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, chiều cao <=2m, vữa XM mác 75	m3	1,200
4	Xây tường thẳng bằng gạch ống 9x9x19, chiều dày <=10cm, chiều cao <=6m, vữa XM mác 75	m3	3,510
5	Trát tường ngoài xây gạch không nung, chiều dày trát 1,5cm, bằng vữa XM mác 75	m2	84,000
6	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	23,440
7	Láng nền sàn có đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	78,000
8	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch Terazzo 400x400mm vữa XM mác 100	m2	78,000
9	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	78,000

**3. Dự toán kinh phí:** 93.733.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*), đã bao gồm thuế VAT

(*có bảng phụ lục chi tiết kèm theo - PL 01, PL 02, PL 03*).

**4. Nguồn vốn:** Sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025

**5. Thời gian thực hiện nhiệm vụ:** 90 ngày.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, Trường THCS Ngũ Phụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện và lựa chọn đơn vị thi công sửa chữa, cải tạo có năng lực để triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hiệu trưởng Trường THCS Ngũ Phụng; Trưởng phòng KBNN khu vực XVI - Phòng Giao dịch số 15 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND Đặc khu;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT, PKT (Tỷ).

**CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Lợi**

**BẢNG PHÂN TÍCH VẬT TƯ**  
**CÔNG TRÌNH: LÁT GẠCH XUNG QUANH KHU VỆ SINH HỌC SINH MỚI TẠI TRƯỜNG THCS NGŨ PHỤNG**  
(Kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND, ngày 08/12/2025 của UBND Đặc khu)

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
				THI CÔNG	ĐỊNH MỨC	VẬT TƯ
1	AB.11312	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp II	m3	4.800		
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,0/7 nhóm I	công		0.820	3.936
2	AE.16113	Xây móng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, vữa XM mác 75	m3	1.200		
		<b>Vật liệu</b>				
		Đá Hộc 15x20x25cm	viên		108.000	129.600
		Xi măng PC40	kg		69.890	83.868
		Cát vàng ML >2,0	m3		0.346	0.415
		Nước	lít		79.460	95.352
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công		1.420	1.704
		<b>Máy thi công</b>				
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca		0.035	0.042
3	AE.16113	Xây tường thẳng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, chiều cao <=2m, vữa XM mác 75	m3	1.200		
		<b>Vật liệu</b>				
		Đá Hộc 15x20x25cm	viên		108.000	129.600
		Xi măng PC40	kg		69.890	83.868
		Cát vàng ML >2,0	m3		0.346	0.415
		Nước	lít		79.460	95.352
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công		1.420	1.704
		<b>Máy thi công</b>				
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca		0.035	0.042
4	AE.65113	Xây tường thẳng bằng gạch ống 9x9x19, chiều dày <=10cm, chiều cao <=6m, vữa XM mác 75	m3	0.000		

		<b>Vật liệu</b>				
		Gạch ống (9x9x19)cm	viên		550.000	0.000
		Xi măng PC40	kg		42.240	0.000
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m3		0.190	0.000
		Nước	lít		44.000	0.000
		Vật liệu khác	%		5.000	
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công		1.750	0.000
		<b>Máy thi công</b>				
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca		0.023	0.000
5	AK.21523	Trát tường ngoài xây gạch không nung, chiều dày trát 1,5cm, bằng vữa XM mác 75	m2	84.000		
		<b>Vật liệu</b>				
		Xi măng PC40	kg		4.488	376.992
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m3		0.020	1.699
		Nước	lít		4.675	392.700
		Vật liệu khác	%		0.500	
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công		0.290	24.360
		<b>Máy thi công</b>				
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca		0.002	0.168
6	AB.13411	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	23.440		
		<b>Vật liệu</b>				
		Đất bồi nền	m3		1.220	28.597
		Vật liệu khác	%		2.000	
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,0/7 nhóm I	công		0.450	10.548
7	AK.41223	Láng nền sàn có đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	78.000		
		<b>Vật liệu</b>				
		Xi măng PC40	kg		9.240	720.720
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m3		0.042	3.249
		Nước	lít		9.625	750.750
		Xi măng PC40	kg		0.301	23.478
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 4,0/7 nhóm II	công		0.125	9.750

		<b>Máy thi công</b>				
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca		0.005	0.390
8	AK.55114	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch Terazzo 400x400mm vữa XM mác 100	m2	78.000		
		<b>Vật liệu</b>				
		Gạch Terazzo	m2		1.010	78.780
		Xi măng PC40	kg		8.475	661.050
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m3		0.029	2.241
		Nước	lít		6.825	532.350
		Xi măng PC40	kg		0.080	6.240
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 4,0/7 nhóm II	công		0.150	11.700
9	AK.84224	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	78.000		
		<b>Vật liệu</b>				
		Sơn lót ngoại thất	lít		0.150	11.700
		Sơn phủ ngoại thất	lít		0.237	18.486
		Vật liệu khác	%		1.000	
		<b>Nhân công</b>				
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công		0.073	5.694

**BẢNG ĐƠN GIÁ CHI TIẾT**  
**CÔNG TRÌNH: LÁT GẠCH XUNG QUANH KHU VỆ SINH HỌC SINH MỚI TẠI TRƯỜNG THCS NGŨ PHỤNG**  
(Kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND, ngày 08/12/2025 của UBND Đặc khu)

STT	MÃ HIỆU	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC	ĐƠN GIÁ
1	AB.11312	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp II	m3		
		<i>Nhân công</i>	<i>NC</i>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 3,0/7 nhóm I	công	0.820	224,138
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>		
		CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	<b>GT</b>		
		Giá thành dự toán xây dựng	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>G</b>		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>GXDST</b>		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	228,862
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>TC</b>		
2	AE.16113	Xây móng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, vữa XM mác 75	m3		
		<i>Vật liệu</i>	<i>VL</i>	<b>1.000</b>	
		Đá Hộc 15x20x25cm	viên	108.000	19,000
		Xi măng PC40	kg	69.890	2,320
		Cát vàng ML >2,0	m3	0.346	700,000
		Nước	lít	79.460	14
		<i>Nhân công</i>	<i>NC</i>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công	1.420	270,300
		<i>Máy thi công</i>	<i>MTC</i>	<b>1.000</b>	
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca	0.035	312,891
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>		
		CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
		Chi phí chung	C	7.300	

		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	GT		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	G		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	GXDST		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	3,551,623
		<b>TỔNG CỘNG</b>	TC		
3	AE.16113	Xây tường thẳng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, chiều cao <=2m, vữa XM mác 75	m3		
		<b>Vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>1.000</b>	
		Đá Hộc 15x20x25cm	viên	108.000	19,000
		Xi măng PC40	kg	69.890	2,320
		Cát vàng ML >2,0	m3	0.346	700,000
		Nước	lít	79.460	14
		<b>Nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công	1.420	270,300
		<b>Máy thi công</b>	<b>MTC</b>	<b>1.000</b>	
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca	0.035	312,891
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	T		
		<b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	GT		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	G		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	GXDST		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	3,551,623
		<b>TỔNG CỘNG</b>	TC		
4	AE.65113	Xây tường thẳng bằng gạch ống 9x9x19, chiều dày <=10cm, chiều cao <=6m, vữa XM mác 75	m3		

		<b>Vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>1.000</b>	
		Gạch ống (9x9x19)cm	viên	550.000	3,300
		Xi măng PC40	kg	42.240	2,320
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m <sup>3</sup>	0.190	650,000
		Nước	lít	44.000	14
		Vật liệu khác	%	5.000	
		<b>Nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công	1.750	270,300
		<b>Máy thi công</b>	<b>MTC</b>	<b>1.000</b>	
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca	0.023	312,891
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>		
		CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	<b>GT</b>		
		Giá thành dự toán xây dựng	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>G</b>		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>GXDST</b>		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	3,261,798
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>TC</b>		
5	AK.21523	Trát tường ngoài xây gạch không nung, chiều dày trát 1,5cm, bằng vữa XM mác 75	m <sup>2</sup>		
		<b>Vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>1.000</b>	
		Xi măng PC40	kg	4.488	2,320
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m <sup>3</sup>	0.020	650,000
		Nước	lít	4.675	14
		Vật liệu khác	%	0.500	
		<b>Nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công	0.290	270,300
		<b>Máy thi công</b>	<b>MTC</b>	<b>1.000</b>	
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca	0.002	312,891
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>		
		CHI PHÍ GIÁN TIẾP			

		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	GT		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	G		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	GXDST		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	127,956
		<b>TỔNG CỘNG</b>	TC		
6	AB.13411	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3		
		<b>Vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>1.000</b>	
		Đất bồi nền	m3	1.220	500,000
		Vật liệu khác	%	2.000	
		<b>Nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 3,0/7 nhóm I	công	0.450	224,138
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	T		
		<b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	GT		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	G		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	GXDST		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	900,369
		<b>TỔNG CỘNG</b>	TC		
7	AK.41223	Láng nền sàn có đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	m2		
		<b>Vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>1.000</b>	
		Xi măng PC40	kg	9.240	2,320
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m3	0.042	650,000
		Nước	lít	9.625	14
		Xi măng PC40	kg	0.301	2,320

		<b>Nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 4,0/7 nhóm II	công	0.125	293,418
		<b>Máy thi công</b>	<b>MTC</b>	<b>1.000</b>	
		Máy trộn vữa - dung tích: 150 lít	ca	0.005	312,891
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>		
		<b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	<b>GT</b>		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	<b>Z</b>		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>G</b>		
		Thuê giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>GXDST</b>		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	109,061
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>TC</b>		
8	AK.55114	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch Terazzo 400x400mm vữa XM mác 100	m2		
		<b>Vật liệu</b>	<b>VL</b>	<b>1.000</b>	
		Gạch Terazzo	m2	1.010	180,000
		Xi măng PC40	kg	8.475	2,320
		Cát mịn ML=1,5-2,0	m3	0.029	650,000
		Nước	lít	6.825	14
		Xi măng PC40	kg	0.080	2,320
		<b>Nhân công</b>	<b>NC</b>	<b>1.000</b>	
		Nhân công bậc 4,0/7 nhóm II	công	0.150	293,418
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>T</b>		
		<b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	<b>GT</b>		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	<b>Z</b>		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>G</b>		

		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	GXDST		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	329,269
		<b>TỔNG CỘNG</b>	TC		
9	AK.84224	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2		
		<i><b>Vật liệu</b></i>	<i><b>VL</b></i>	<i><b>1.000</b></i>	
		Sơn lót ngoại thất	lít	0.150	130,000
		Sơn phủ ngoại thất	lít	0.237	120,000
		Vật liệu khác	%	1.000	
		<i><b>Nhân công</b></i>	<i><b>NC</b></i>	<i><b>1.000</b></i>	
		Nhân công bậc 3,5/7 nhóm II	công	0.073	270,300
		<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	T		
		<b>CHI PHÍ GIÁN TIẾP</b>			
		Chi phí chung	C	7.300	
		Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT		
		Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT		
		<b>Cộng chi phí gián tiếp</b>	GT		
		<i>Giá thành dự toán xây dựng</i>	Z		
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	5.500	
		<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	G		
		Thuế giá trị gia tăng	GTGT	10.000	
		<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	GXDST		
		Chi phí dự phòng	GDPXD	0.000	84,863

## BẢNG GIÁ DỰ THẦU

### CÔNG TRÌNH: LÁT GẠCH XUNG QUANH KHU NHÀ VỆ SINH HỌC SINH MỚI TRƯỜNG THCS NGŨ PHỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND, ngày 08/12/2025 của UBND Đặc khu)

STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	AB.11312	Đào đất móng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp II	m3	4.800	228,862	1,098,539
2	AE.16113	Xây móng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, vữa XM mác 75	m3	1.200	3,551,623	4,261,948
3	AE.16113	Xây tường thẳng bằng đá hộc, chiều dày <=60cm, chiều cao <=2m, vữa XM mác 75	m3	1.200	3,551,623	4,261,948
4	AE.65113	Xây tường thẳng bằng gạch ống 9x9x19, chiều dày <=10cm, chiều cao <=6m, vữa XM mác 75	m3	3.510	3,261,798	11,448,913
5	AK.21523	Trát tường ngoài xây gạch không nung, chiều dày trát 1,5cm, bằng vữa XM mác 75	m2	84.000	127,956	10,748,303
6	AB.13411	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	23.440	900,369	21,104,646
7	AK.41223	Láng nền sàn có đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	78.000	109,061	8,506,769
8	AK.55114	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch Terazzo 400x400mm vữa XM mác 100	m2	78.000	329,269	25,682,981
9	AK.84224	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	78.000	84,863	6,619,324
		<b>Tổng cộng</b>				<b>93,733,370</b>
		<b>Làm tròn</b>				<b>93,733,000</b>

Bảng chữ: Chín mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng